

Phiếu dữ liệu kỹ thuật

HIPS (Polystyrene có độ bền va đập cao)

HI 425E

Tính năng

Ép đùn có độ bền cao

Ứng dụng

Cốc dùng một lần, màng bọc thực phẩm, màng bọc trong suốt, khay, máy giặt

Vật lý	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị
Mật độ	ASTM D792	1,03 g/cm ³
Chỉ số chảy của nhựa (200°C, 5kg)	ASTM D1238	4,5 g/10 phút
Độ co của khuôn	ASTM D955	0,3~0,6 %
Hấp thụ nước	ASTM D570	0,03 %
Cơ học	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị
Độ bền kéo	ASTM D638	280 kg/cm ² (3.976 (psi))
Độ giãn dài	ASTM D638	55 %
Độ bền uốn	ASTM D790	350 kg/cm ² (4.970 (psi))
Mô-đun uốn	ASTM D790	17.500 kg/cm ² (248.500 (psi))
Độ bền va đập kiểu Izod (3,2 mm)	ASTM D256	9,5 kgcm/cm (1,76) (ft-lb/in)
Độ cứng Rockwell (Thang L)	ASTM D785	65
Nhiệt	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị
Nhiệt độ gây biến dạng nhiệt (18,6 kgf/cm ²)	ASTM D648	80 °C (176) (°F)
Nhiệt độ hóa mềm Vicat (1kg, 50°C/giờ)	ASTM D1525	98 °C (208) (°F)
Khả năng cháy	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị
Mức cháy - UL (1,6 mm)	UL 94	HB

Lưu ý

Đây chỉ là những đặc tính điển hình, không phải thông số kỹ thuật. Người dùng nên xác nhận kết quả bằng các thử nghiệm của riêng họ.

Phiếu dữ liệu kỹ thuật

HI 425E

Hướng dẫn gia công

Hướng dẫn phun	Đơn vị	Giá trị
Vòi phun	°C	190~220
Phía trước	°C	190~210
Ở giữa	°C	180~200
Phía sau	°C	170~190
Phẫu thí nghiệm	°C	45
Khuôn	°C	40~60

Hướng dẫn ép đùn	Đơn vị	Giá trị
Vùng 1	°C	170~190
Vùng 2	°C	180~200
Vùng 3	°C	180~210
Vùng 4	°C	190~220
Vùng 5	°C	200~220
Bộ đổi màn hình	°C	190~210
Bộ chỉnh lưu	°C	200
Khuôn	°C	190~210

Làm khô	Đơn vị	Giá trị
Nhiệt độ	°C	60~70
Thời gian	giờ	1~3

Lưu ý

Chỉ đề cập những giá trị này như hướng dẫn chung.